

Ngày	5,800 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.8%	2.7%	-3.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,230 - 7,350
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	286
Số lượng CPLH (CP)	49,231,310
KLGD BQ 20 phiên (CP)	89,980
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	0.37
EPS	-131
P/E	-44.3

DT thuần

Q1/24

126

tỷ VNĐ

QoQ: ▼627| -83.3%

YoY: ▼1,256| -90.9%

LN trước thuế

Q1/24

-8.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.42| -42.0%

YoY: ▼10.9| -398%

LN sau thuế

Q1/24

-8.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.67| -227%

YoY: ▼9.61| -667%

ROA

2023

0.2%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2023

4,690

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,757| -27.2%

LN trước thuế

2023

3.77

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.0| -86.0%

LN sau thuế

2023

3.38

tỷ VNĐ

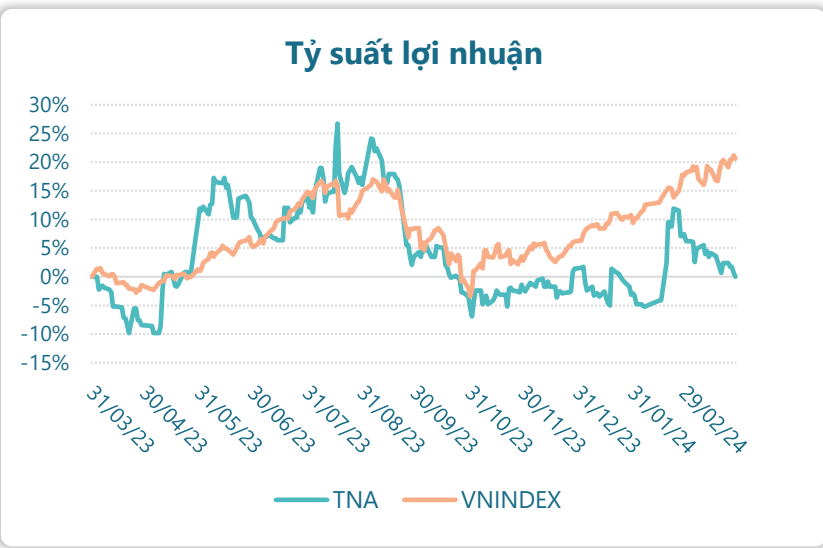
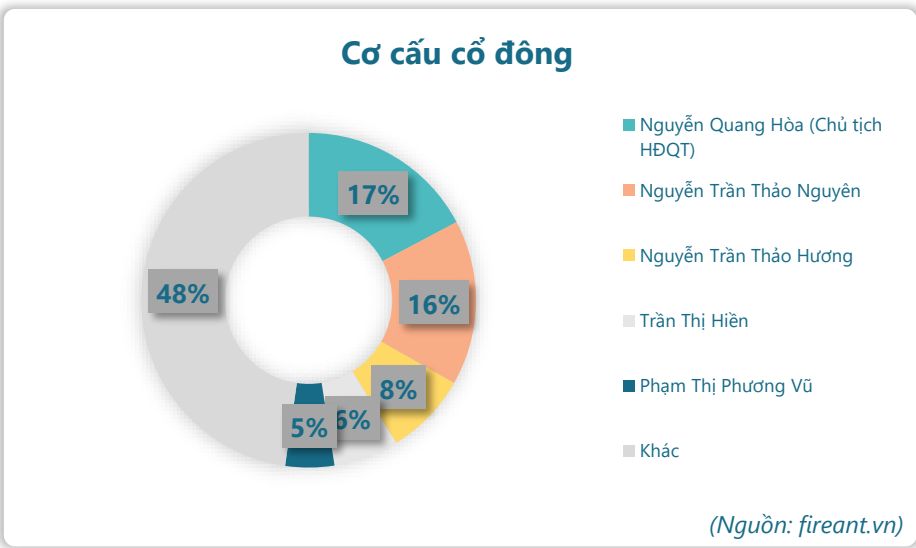
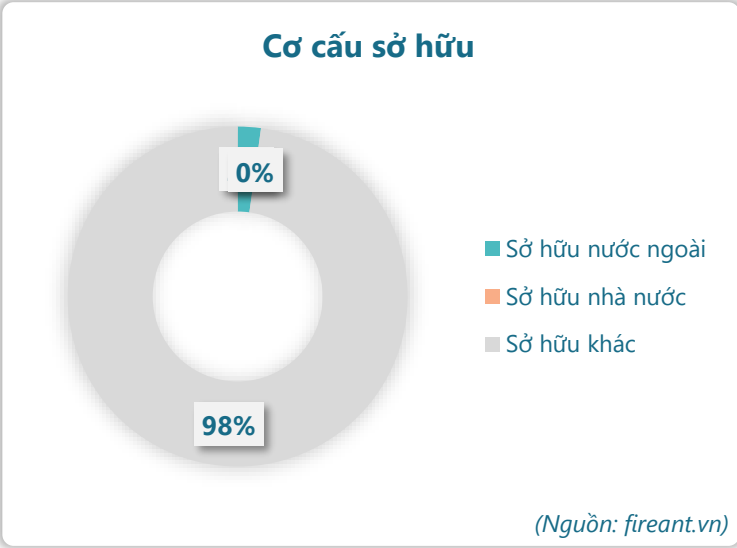
YoY: ▼8.12| -70.6%

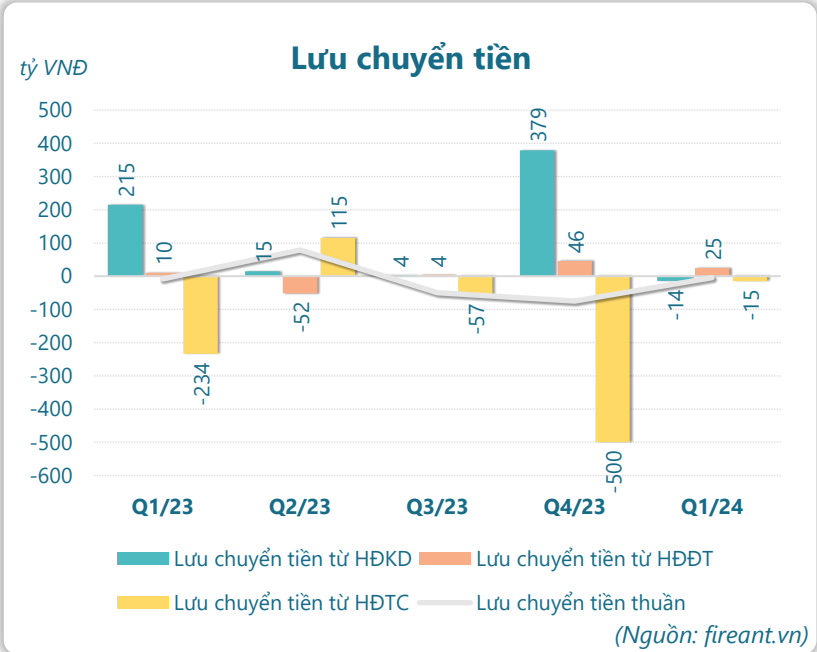
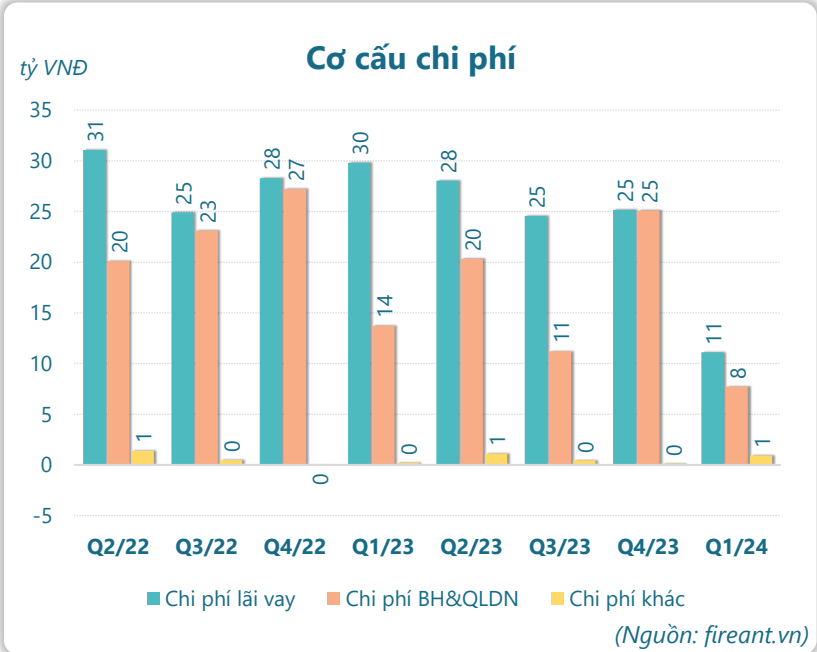
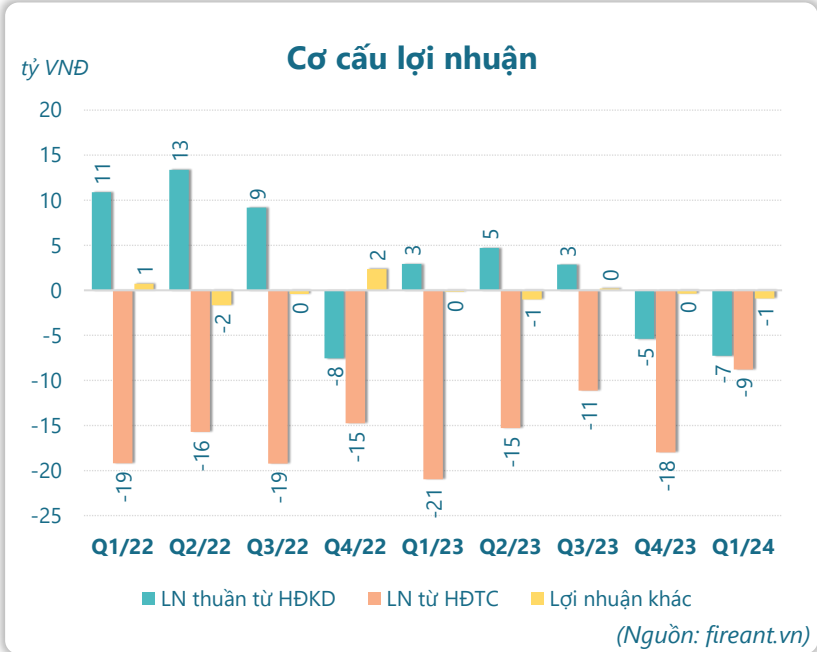
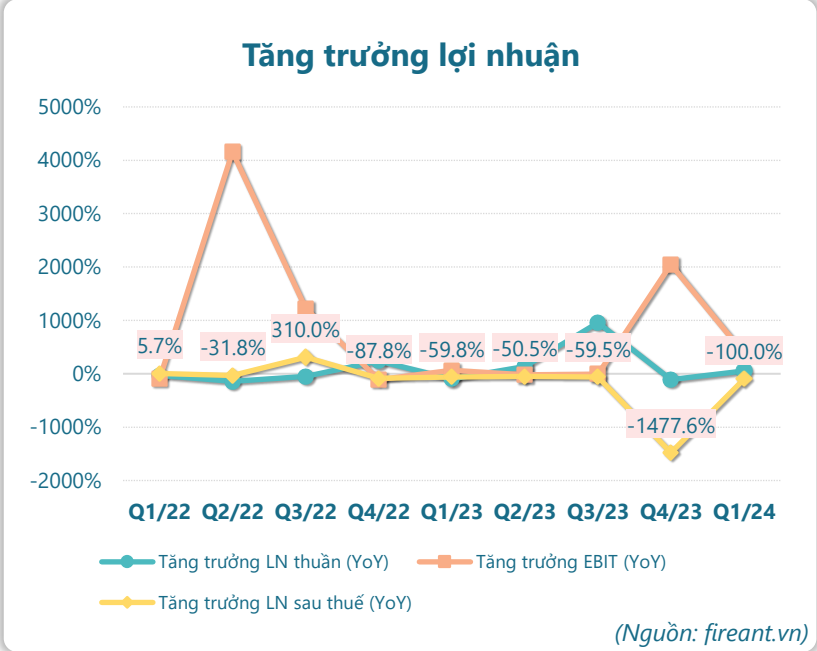
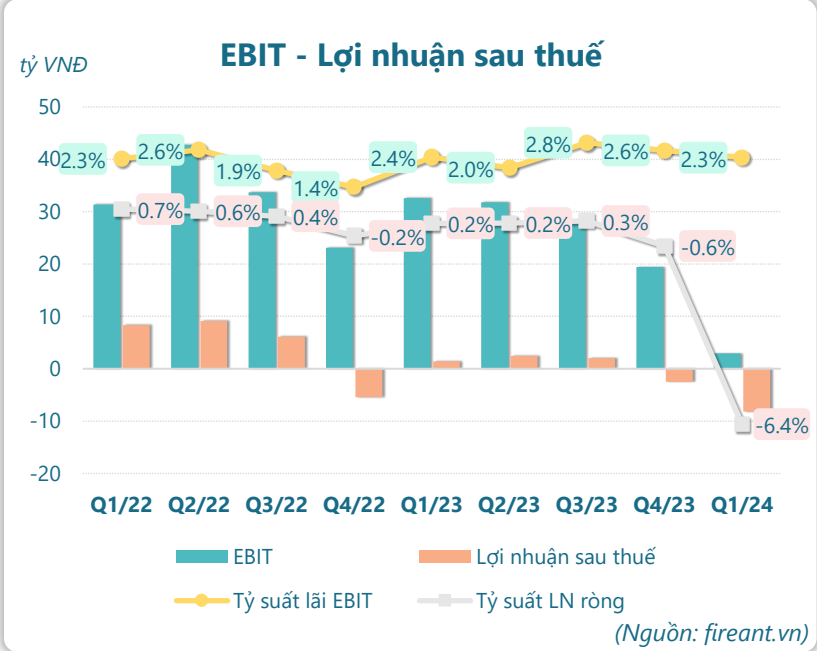
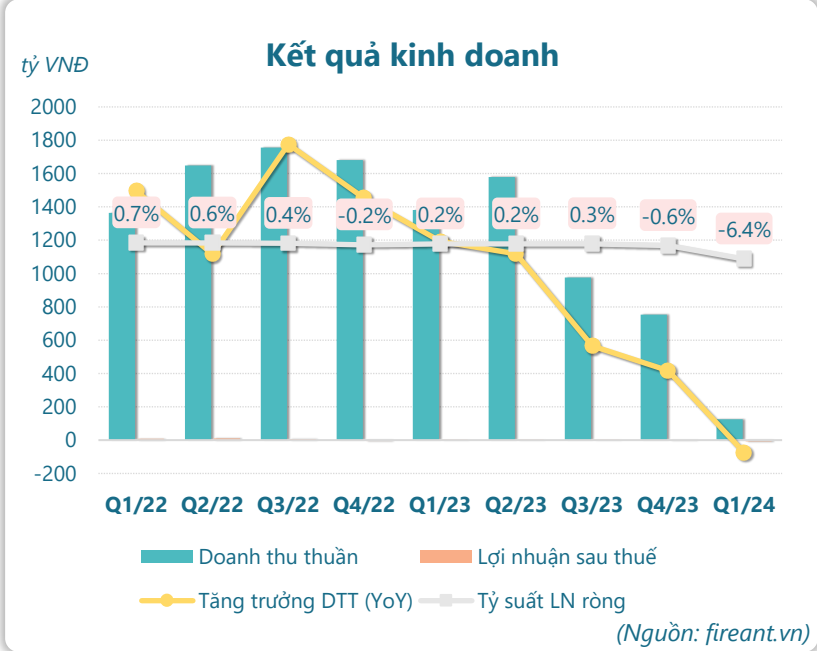
ROE

2023

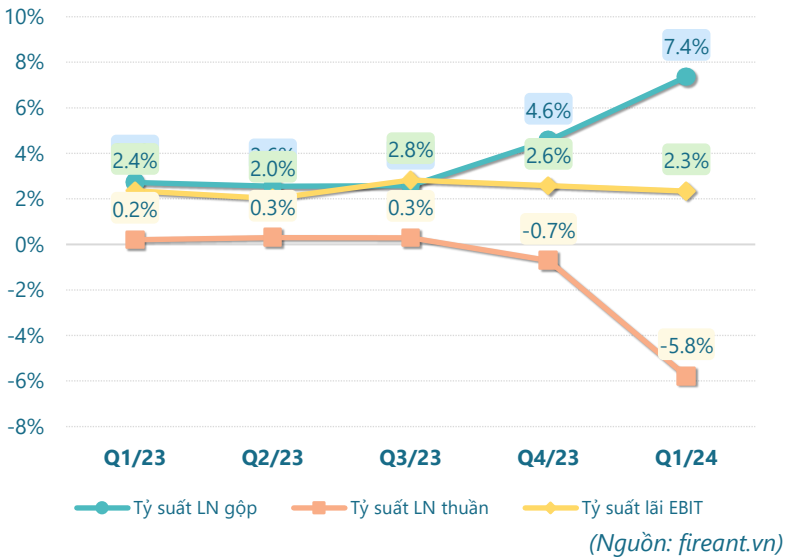
0.7%

+/- YoY: ▼ 2.0%

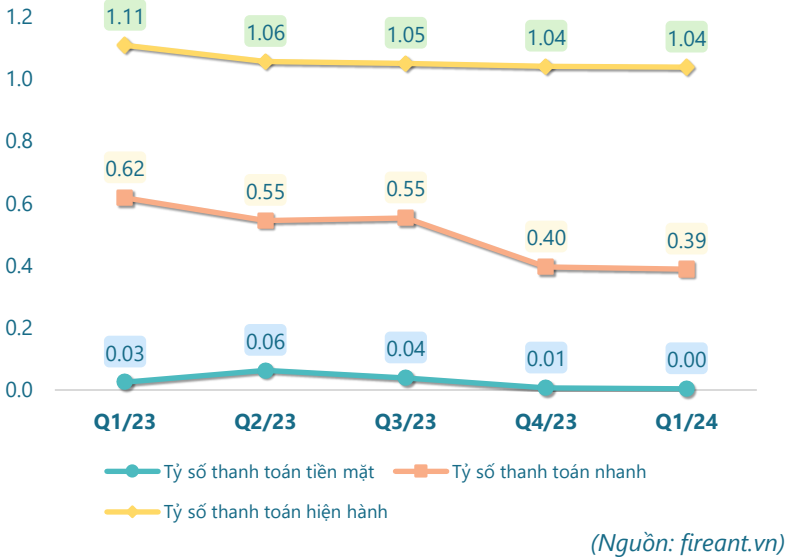




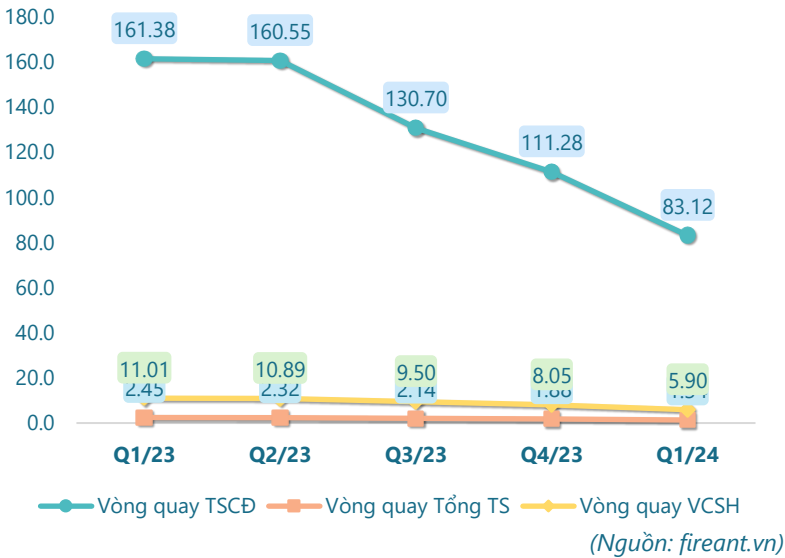
Tỷ suất lợi nhuận



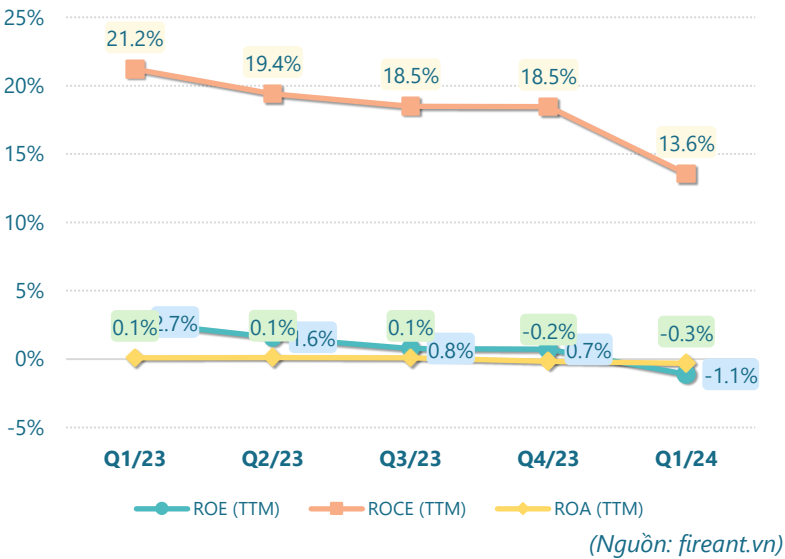
Chỉ số thanh khoản



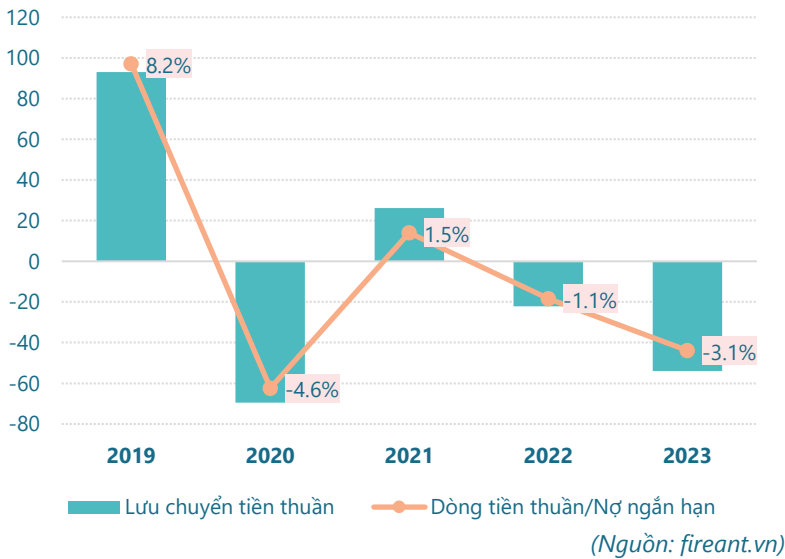
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

